

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/HNGĐ-PT**

Ngày: 27/10/2022

V/v « *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn* »

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Vũ Văn Thuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Pho, Ông Nguyễn Minh Thành.

Thư ký ghi biên bản: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2022/TLPT-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 20/2022/HNGĐ-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2022/QĐXX-PT ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum và Quyết định hoãn phiên tòa số 348/2022/QĐ-PT ngày 10/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 60 L Đ C, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Nơi ở hiện nay: Tổ 4, phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 60 L Đ C, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Xuân T (Có mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo như án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định vào ngày 22/6/1997. Sau khi kết hôn chị và anh T cùng

chung sống với gia đình bố mẹ đẻ chị L tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đến tháng 5/1998 thì sinh con đầu, đến cuối năm 1999 thì lên Kon Tum sinh sống cùng bố mẹ đẻ của anh T tại phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum. Đến năm 2000 thì vợ chồng mua đất và xây nhà ở riêng tại 60 L Đ C, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum sinh sống đến nay. Quá trình chung sống đến năm 2010 P sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh T thiếu trách nhiệm với vợ con, không đóng góp tiền để chị nuôi con. Anh T làm nghề lái xe thuê cho người khác, làm được bao nhiêu tiền thì chơi bởi nhậu nhẹt hết ở ngoài đường. Cứ mỗi lần say xỉn về anh T lại chửi bới, đánh đập chị và các con. Ngoài ra còn lôi kéo gia đình chị, em của anh T gây ra áp lực đối với chị. Năm 2010 do mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng nên chị phải gửi đơn ra Tòa xin ly hôn nhưng anh T xin hứa sẽ sửa chữa khuyết điểm nên chị lại rút đơn về đoàn tụ, nhưng sau đó tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Anh T tiếp tục tái diễn nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình tiếp tục đánh đập chị và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Do quá sức chịu đựng cảnh hành hạ của anh T, nên tháng 11/2021 chị và các con quyết định ra ngoài thuê nhà trọ ở riêng cho được yên thân, từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Còn tài sản nhà cửa thì anh T giao cho chị Nguyễn Thị Thuận (chị gái anh T) quản lý giữ chìa khóa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật P sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Nhật T1 sinh năm 2006, hiện tại cháu P đã trưởng thành tuy nhiên cháu chưa có nghề nghiệp và tự lập được nên chị còn nuôi dưỡng và chu cấp cho cháu học nghề, còn cháu T1 đang là học sinh nên vẫn do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu giải quyết giao cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong T kỳ hôn nhân vợ, chồng đã tạo lập được tài sản cụ thể: 01 lô đất và nhà ở xây dựng trên đất tọa lạc tại số 60 đường L Đ C, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Hiện đất chưa có giấy tờ, không có tranh chấp với ai. Nay ly hôn chị L xác định quyền sử dụng đất, nhà là tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Tòa án chia đôi giá trị và chị xin nhận nhà, đất để có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con được tốt hơn.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày: Công nhận với phần trình bày của chị L về T gian kết hôn và con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng anh xác nhận nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do thỉnh thoảng cãi nhau, còn chị L trình bày anh T đánh vợ con là không có. Anh T vẫn còn thương yêu vợ, con không muốn ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử cho vợ, chồng được đoàn tụ, và anh xin đoàn tụ nên không đặt ra vấn đề chia con chung.

Về tài sản chung: Chị L khai tài sản chung là nhà, đất tại số 60 đường L Đ C, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum là do vợ, chồng

tạo ra trong T kỳ hôn nhân là không đúng mà là tài sản riêng của anh T mua vào ngày 15/5/2000 của anh Trần Quốc Đạt về tiền mua đất là do bố đẻ của anh T lúc còn sống cho 250.000.000đ để mua đất đó, còn nhà là do một số anh, em cho vật liệu xây lên mà có, do đó anh không chấp nhận yêu cầu chia tài sản nhà đất, đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum đã xét xử như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Điều 157, 165; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Nhật P sinh năm 1998, hiện cháu P đã trưởng thành nhưng chưa có nghề nghiệp và tự lập được và cháu Nguyễn Thị Nhật T1 sinh năm 2006 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Anh Nguyễn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Xuân T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền quản lý, sử dụng tài sản gồm: Nhà, đất tại tọa lạc tại: Số 60 đường L Đ C, tổ 3, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Đất có diện tích là 143,9 m² có tứ cận như sau:

Phía đông giáp thửa số 10 dài 24,1 m,

Phía Tây giáp thửa số 12 dài 24,4 m,

Phía Nam giáp đường L Đ C có chiều rộng 5,55 m,

Phía Bắc giáp thửa số 04 có chiều rộng 5,6 m.

Trên đất có căn nhà cấp 4 xây năm 2000 gồm 01 phòng khách, 03 phòng ngủ, 01 phòng bếp, công trình vệ sinh khép kín. Tổng diện tích nhà là 105,2 m² và mái hiên phía trước khung thép, lợp tôn 5,5m x 1,5m; cổng sắt đầy mở 4,55m x 2m x 520.

Chị Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Xuân T giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia là 1.176.201.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị L có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở đối với nhà đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền yêu cầu T1 hành án, lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo của đương sự theo pháp luật.

Ngày 21/6/2022, anh Nguyễn Xuân T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, với các nội dung gồm: Đề nghị hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum; làm rõ nguồn gốc tài sản chung, công sức đóng góp của chị Nguyễn Thị L và cá nhân anh trong quá trình tạo lập nên khối tài sản chung; làm rõ nguyên nhân, mâu thuẫn trầm trọng của vợ chồng anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Xuân T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T trình bày anh còn rất thương yêu vợ, con đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng về đoàn tụ, chị L cho rằng chị không còn yêu thương anh T nữa, cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài vì vậy, chị vẫn xin được ly hôn với anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum P biểu ý kiến:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, phân tích mâu thuẫn về tình cảm vợ, chồng giữa chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Xuân T, căn cứ vào các lời khai của các bên, các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án thì mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T là có cơ sở, đúng pháp luật. Về con chung, cấp sơ thẩm đã xem xét đến hoàn cảnh cũng như nguyện vọng của các con chung để giải quyết cho chị L được trực tiếp nuôi con là có căn cứ.

Về tài sản chung: Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị L được quyền quản lý, sử dụng tài sản gồm Nhà, đất có diện tích 143,9m² và không trừ đi phần diện tích đất quy hoạch là 13,9m² làm đường giao thông là T1ếu chính xác. Tòa án cấp phúc thẩm đã đi xem xét, thẩm định tại chỗ theo biên bản lập ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum thì tổng diện tích đất là 133m² trong đó có 13,9 m² thuộc quy hoạch đất giao thông và 119,1m² thuộc quy hoạch đất ở.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum: Bác toàn bộ nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Xuân T; sửa một phần bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2022/HN-GĐST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum theo hướng chị Nguyễn Thị L có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà đối với nhà, đất tại số 60 đường L Đ C phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum có tổng diện tích là 133 m² trong đó có 13,9 m² đất thuộc quy hoạch giao thông và 119,1m² đất ở. Các phần khác còn lại giữ nguyên như án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Kháng cáo của bị đơn Nguyễn Xuân T, hợp lệ, nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Xuân T đề nghị cấp phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, lý do anh trình bày là còn thương yêu vợ con không muốn ly hôn, yêu cầu Tòa án xét xử cho vợ chồng được đoàn tụ, vì anh xin đoàn tụ nên không đặt ra vấn đề chia con chung; đồng T anh T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nguồn gốc nhà đất tại số 60 L Đ C, thành phố Kon Tum, không xem xét đến các chứng cứ do anh cung cấp cho Tòa án là các Giấy xác nhận thu nhập thực tế của anh từ năm 2000 đến năm 2022 khi xét xử phân chia về tài sản chung.

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy, về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, về con chung như trình bày của các đương sự cũng như nhận định của bản án sơ thẩm xác định, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình, đúng như bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định.

[2.2] Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Theo chị Nguyễn Thị L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Xuân T thiếu trách nhiệm với vợ con, không đóng góp tiền để chị nuôi con. Anh T làm nghề lái xe thuê cho người khác nhưng làm được bao nhiêu tiền thì chơi bời nhậu nhẹt hết ở ngoài đường. Cứ mỗi lần say xỉn về anh T lại chửi bới, đánh đập chị và các con. Ngoài ra còn lôi kéo gia đình chị em của anh T gây ra áp lực đối với chị.

Anh Nguyễn Xuân T không đồng ý với trình bày của chị L về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T cho rằng bản thân không đánh đập chị L và các con, vợ chồng không mâu thuẫn gì với nhau. Chị L không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, tuy nhiên anh T thừa nhận vợ chồng anh hiện đang sống ly thân. Hiện nay, chị L và các con không sống tại nhà số 60 L Đ C, thành phố Kon Tum là chị L tự ý bỏ đi ra ở riêng.

Xét thấy, trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn: Thực tế vào năm 2011 chị L đã phải nộp đơn ra Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xin ly hôn với anh T. Tòa án đã hòa giải, các đương sự về đoàn tụ theo Quyết định số 04/2011/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2011, nay chị L tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị L khẳng định không còn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân T gian dài, không ai quan tâm tới ai nên chị vẫn đề nghị được ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử tiếp tục hòa giải phân tích cho các đương sự về hậu quả của việc ly hôn, nhưng chị L không rút đơn khởi kiện và khẳng định chị không còn tình cảm gì với anh T, nay chị vẫn cương quyết muốn được ly hôn. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của anh T. Qua các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cho thấy mâu

thuần vợ chồng giữa anh T chị L nhiều năm qua đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nội dung này cũng được Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và xử cho chị L được ly hôn với anh T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về con chung: Các con chung của anh T, chị L cũng trình bày thường xuyên chứng kiến việc bố mẹ cãi nhau và bố có đánh mẹ, hiện nay các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn; cần xem xét đến điều kiện hoàn cảnh, công việc của các bên, Anh T làm nghề lái xe nên thường xuyên vắng nhà, chị L có điều kiện và T gian chăm sóc các con chung tốt hơn, nguyện vọng của các con đều muốn ở với mẹ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến các điều kiện nguyện vọng của con chung để giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên đối với cháu Nguyễn Nhật P sinh ngày 05/4/1998, cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động, tự kiếm sống để nuôi bản thân, cấp sơ thẩm tuyên giao cháu P cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng là chưa phù hợp. Cấp phúc thẩm sửa lại án sơ thẩm về phần nuôi con chung theo chỉ hướng giao cháu Nguyễn Thị Nhật T1 sinh ngày 01/01/2006 cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.4] **Về tài sản chung:** Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm chị L đều trình bày đất, nhà ở tại số 60 đường L Đ C, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong T kỳ hôn nhân, vợ chồng chị kết hôn từ năm 1997 và đất là do vợ chồng chị mua của ông Trần Quốc Đạt vào năm 2000 sau đó xây dựng nhà ở ổn định đến nay.

Anh Nguyễn Xuân T cũng xác định là mua đất của ông Trần Quốc Đạt nhưng không đồng ý với yêu cầu của chị L về chia tài sản nhà, đất này. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm đến phúc thẩm chị L đều trình bày thừa nhận là mua đất của ông Trần Quốc Đạt do ông Trần Khắc Sơn (anh trai của ông Đạt) đứng ra giao dịch mua bán thay cho ông Đạt, mua với giá 13.500.000 đồng, chị L không trình bày là mua đất của ông Trần Khắc Sơn như nội dung kháng cáo của anh T. Thực tế, cả anh T chị L và ông Trần Khắc Sơn đều thừa nhận là nguồn gốc đất của ông Trần Quốc Đạt năm 2000 là đúng sự thật, đồng T ông Trần Khắc Sơn cũng có văn bản xác nhận rõ nội dung này. Nguồn gốc đất rõ ràng, vợ chồng anh T, chị L đã xây nhà và ở ổn định từ năm 2000 đến nay, không có tranh chấp với ai. Tại sổ mục kê do phường Trường Chinh cung cấp (Bút lục 91) thì người sử dụng đất là Nguyễn Xuân T và Nguyễn Thị L. Do đó nội dung anh T kháng cáo cho rằng chị L khai là mua đất của ông Trần Khắc Sơn là không có căn cứ mà theo chị L là mua đất của ông Trần Quốc Đạt nhưng do ông Trần Khắc Sơn đứng ra mua bán thay ông Đạt; nay chị L *yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung là đất, nhà ở tại số 60 đường L Đ C* vì là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong T kỳ hôn nhân; anh T cho rằng tài sản này không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản riêng của anh T có nguồn gốc do bố để anh T lúc còn sống cho anh số tiền 250 triệu đồng, sau đó anh dùng số tiền này mua lô đất, còn nhà ở là do anh em bạn bè của anh T mỗi người cho một ít vật liệu xây dựng nên còn chị L không có đóng góp gì do đó, anh không đồng ý chia đôi, anh T yêu cầu xem xét đến

công sức đóng góp trong việc tạo lập khối tài sản là nhà đất tại số 60 L Đ C, thành phố Kon Tum vì anh đã cung cấp các giấy xác nhận thu nhập thực tế tại các công ty anh đã làm việc chứng minh cho nguồn thu nhập hợp pháp của anh từ năm 2000 đến năm 2002 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét.

Hội đồng xét xử thấy rằng: các Giấy xác nhận thu nhập anh T cung cấp cho Tòa án (bút lục 80, 81, 82) không có giá trị pháp lý để chứng minh, trừ khi anh T cung cấp được các bảng lương có đóng dấu xác nhận hợp lệ của các công ty nơi anh T làm việc; mặt khác cho dù anh T đi làm có thu nhập cao nhưng theo chị L trình bày thì anh T *“không đóng góp tiền bạc để chị nuôi con. Anh T làm nghề lái xe thuê cho người khác, làm được bao nhiêu tiền thì chơi bời nhậu nhẹt hết ở ngoài đường”*, anh T không cung cấp được chứng cứ chứng minh là anh có đưa tiền về cho chị L để lo trong gia đình. Do đó, cấp sơ thẩm xác định tài sản nhà đất tại số 60 L Đ C là tài sản chung của vợ chồng, hiện Nhà, đất được tổ dân phố, chính quyền địa phương đều xác nhận đất đó là của chị L và anh T sử dụng ổn định không tranh chấp với ai và tiến hành chia đôi giá trị tài sản này là có cơ sở, đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn Nguyễn Xuân T.

[3] Qua thu thập thêm tài liệu chứng cứ mới, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/10/2022 xác định trong tổng số diện tích đất 133m² tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 73 hiện nay chị L, anh T đang quản lý sử dụng có 13,9m² thuộc quy hoạch đất giao thông (quy hoạch mở rộng đường L Đ C), phần diện tích còn lại 119,1m² thuộc quy hoạch đất ở, có sự thay đổi về diện tích, có tứ cận cụ thể như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 10 dài 23,5m; Phía Tây giáp thửa đất số 12 dài 24,2m; Phía Nam giáp đường L Đ C rộng 5,57m, phía Bắc giáp thửa đất số 4 rộng 5,6m. Tổng diện tích là 133m². Giảm so với diện tích mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét thẩm định là 1,9m².

[4] Tuy Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/02/2022 của Tòa án cấp sơ thẩm với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/10/2022 của Tòa án cấp phúc thẩm có sự khác nhau về tổng diện tích đất (từ 134,9m² xuống còn 133m²) nhưng các đương sự đều thống nhất giữ nguyên giá đất theo Bản án sơ thẩm đã tuyên và không ai yêu cầu định giá lại. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định tổng giá trị tài sản đất, nhà là tài sản chung của vợ chồng anh T chị L như cấp sơ thẩm đã định giá là 2.352.402.000đ (Hai tỷ ba trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn đồng).

Cấp sơ thẩm xác định diện tích đất là 134,9m², tại trang 9 của bản án sơ thẩm, tại phần quyết định lại tuyên giao cho chị L về diện tích đất là 143,9 m² là có sự nhầm lẫn về số liệu cần phải rút kinh nghiệm.

Trong diện tích đất giao cho chị L có một phần đất quy hoạch giao thông, Tòa án cấp sơ thẩm không ghi cụ thể mà chỉ quyết định giao tổng diện tích đất cho chị L là chưa đúng. Do vậy, cấp phúc thẩm sẽ ghi nhận cụ thể để phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do án sơ thẩm bị sửa một phần nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

[6] Chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Chị Nguyễn Thị L tự nguyện nhận toàn bộ và đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Xuân T.

Sửa Bản án sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Điều 148; Điều 157; 165 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Nhật T1 sinh ngày 01/01/2006 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Anh Nguyễn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Xuân T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền quản lý, sử dụng tài sản gồm: Nhà, đất tại tọa lạc tại: Số 60 đường L Đ C, tổ 3, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Đất có diện tích là 133 m² có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thửa số 10 dài 23,5 m
- Phía Tây giáp thửa số 12 dài 24,2 m
- Phía Nam giáp đường L Đ C có chiều rộng 5,57 m
- Phía Bắc giáp thửa số 04 có chiều rộng 5,6 m.

Trong tổng diện tích 133m² có 13,9m² diện tích đất quy hoạch giao thông, còn lại diện tích 119,1m² quy hoạch đất ở. (*Có sơ đồ trích lục ngày 03/10/2022 kèm theo*)

Tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà cấp 4 xây năm 2000 bao gồm: 01 phòng khách, 03 phòng ngủ, 01 phòng bếp, công trình vệ sinh khép kín. Tổng diện tích nhà là 105,2 m² và mái hiên phía trước khung thép, lợp tôn 5,5m x 1,5m; Cổng sắt đầy mở 4,55m x 2m.

Chị Nguyễn Thị L phải trả cho anh Nguyễn Xuân T giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia là **1.176.201.000 đồng** (*Một tỷ một trăm bảy sáu triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng*).

Chị Nguyễn Thị L có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở đối với Nhà, đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí định giá tài sản: Anh Nguyễn Xuân T có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được T1 hành án có đơn yêu cầu T1 hành án (đối với số tiền trên) cho đến khi T1 hành án xong, bên phải T1 hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T1 hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và T gian chậm trả.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là 47.286.030 đồng, tổng cộng án phí là 47.586.030 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 19.050.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000377 ngày 28/10/2021 của Chi cục T1 hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị L còn phải nộp 28.536.030đ (*Hai mươi tám triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi đồng*). Anh Nguyễn Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là 47.286.030đ (*Bốn mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi đồng*).

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Xuân T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000931 ngày 29/6/2022 của Chi cục T1 hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Trường hợp bản án này được T1 hành theo quy định tại Điều 2 Luật T1 hành án dân sự thì người được T1 hành án, người phải T1 hành án có quyền thỏa thuận T1 hành án, quyền yêu cầu T1 hành án, tự nguyện T1 hành án hoặc bị cưỡng chế T1 hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T1 hành án dân sự. T hiệu T1 hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T1 hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/10/2022).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND T.Kon Tum;
- Chi cục THADS TP Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;
- TAND TP Kon Tum;
- Các đương sự;
- UBND tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho

Nguyễn Minh Thành

Vũ Văn Thuận